TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-02-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Hồ Quốc Văn

2. Lý Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 314/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Bé N, sinh năm 1987, có đơn xin vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Lê Vũ A, sinh năm 1980, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2022, chị Trần Bé N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 10/12/2009. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi và hiện tại đã sống ly thân khoảng 05 tháng nay. Do đó, chị N yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nhất K, sinh ngày 09/11/2011, đang sống với anh A và Lê Phước T, sinh ngày 22/01/2019, hiện đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu T, thống nhất để cho anh A

tiếp tục nuôi dạy cháu K, chị không cấp dưỡng nuôi cháu K và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án chị N có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Bé N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Vũ A. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh A có địa chỉ tại ấp 1, xã H, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh A nhưng anh A vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh A theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 31/01/2023, chị N có đơn yêu cầu xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trần Bé N và anh Lê Vũ A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 10/12/2009. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị N yêu cầu ly hôn với anh A. Xét thấy, yêu cầu của chị N là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và hiện tại đã sống ly thân khoảng 05 tháng nay. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh A vắng mặt tại các lần hòa giải không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Trần Bé N và anh Lê Vũ A được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Lê Nhất K, sinh ngày 09/11/2011 (giới tính nam), đang sống với anh A và Lê Phước T, sinh ngày 22/01/2019 (giới tính nam), hiện đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu T, thống nhất để cho anh A tiếp tục nuôi dạy cháu K. Xét thấy, yêu cầu của chị N là có cơ sở. Bởi vì, cháu K đang do anh A nuôi dạy, cháu T đang do chị N nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Mặt khác, cháu K trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với anh A. Anh A cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu K cho anh A tiếp tục nuôi dạy, giao cháu T cho chị N nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi cháu T, chị N không cấp dưỡng nuôi cháu K, anh A cũng không có ý kiến gì về việc yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định chị và anh A tự thỏa thuận về tài sản chung. Đối với nợ chung là không có, không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Chị Trần Bé N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Bé N và anh Lê Vũ A được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nhất K, sinh ngày 09/11/2011 (giới tính nam) cho anh A tiếp tục nuôi dạy. Giao cháu Lê Phước T, sinh ngày 22/01/2019 (giới tính nam) cho chị N tiếp tục nuôi dạy. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi cháu T, chị N không phải cấp dưỡng nuôi cháu K. Anh A không trực tiếp nuôi dạy cháu T, chị N không trực tiếp nuôi dạy cháu K nhưng anh chị có quyền, nghĩa vụ

thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Bé N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 21 tháng 11 năm 2022 chị N có nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003164 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh A vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bảo Trâm